

Số: 1169/QĐ-ĐHV

Nghệ An, ngày 09 tháng 5 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Danh mục ngành phù hợp, ngành đào tạo chuyên sâu đặc thù  
và các học phần bổ sung cho ứng viên dự xét tuyển  
kỳ tuyển sinh đào tạo trình độ tiến sĩ đợt 2 năm 2023**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 99/QĐ ngày 29 tháng 3 năm 1990 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng (nay là Thủ tướng Chính phủ) về việc giao nhiệm vụ đào tạo cán bộ trên đại học cho Trường ĐHSP Vinh (nay là Trường Đại học Vinh);

Căn cứ Quyết định số 62/2001/QĐ-TTg ngày 25 tháng 4 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ về đổi tên Trường Đại học Sư phạm Vinh thành Trường Đại học Vinh;

Căn cứ Quyết định số 01/2017/QĐ-TTg ngày 17 tháng 01 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo của hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị quyết số 06/NQ-HĐT ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Vinh ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Vinh;

Căn cứ Quyết định số 2596/QĐ-ĐHV ngày 02 tháng 11 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ của Trường Đại học Vinh;

Căn cứ văn bản đề xuất ngành phù hợp, ngành đào tạo chuyên sâu đặc thù của Trường các đơn vị: Trường Sư phạm, Trường KHXH&NV, Trường Kinh tế;

Theo đề nghị của Trường phòng Đào tạo Sau đại học.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành Danh mục ngành phù hợp, ngành đào tạo chuyên sâu đặc thù và các học phần bổ sung cho ứng viên dự xét tuyển kỳ tuyển sinh đào tạo trình độ tiến sĩ đợt 2 năm 2023 (có danh sách kèm theo).

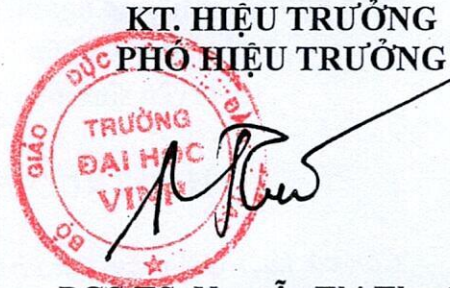


**Điều 2.** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Trưởng các đơn vị: Phòng Hành chính Tổng hợp, Phòng Đào tạo Sau đại học, Phòng Kế hoạch – Tài chính; Trưởng các trường, khoa, viện có đào tạo trình độ tiến sĩ; Trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

*Nơi nhận:*

- Như Điều 2;
- Vụ GDĐH, Bộ GD&ĐT (đề b/c);
- Hiệu trưởng (đề b/c);
- Lưu: HCTH, ĐTSĐH.



PGS.TS. Nguyễn Thị Thu Cúc





DANH SÁCH DANH MỤC NGÀNH PHÙ HỢP,

VÀ CÁC HỌC PHẦN BỔ SUNG CHO ƯNG VIÊN DỰ XÉT TUYỂN  
KỲ TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ ĐỢT 2 NĂM 2023  
(Kèm theo Quyết định số: 1169/QĐ-ĐHY ngày 09 tháng 5 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ngành phù hợp

(1)

(2)

(3)

(4)

Nhóm ngành 1: Không phải học bổ sung kiến thức

Nhóm ngành 2: học bổ sung kiến thức 5 học phần, 15 tín chỉ

Nhóm ngành 3: học bổ sung kiến thức 13 học phần, 39 tín chỉ

Ngành đào tạo chuyên sâu đặc thù phù hợp  
Ưng viên tốt nghiệp trình độ tương đương bậc 7 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam ở một số ngành đào tạo chuyên sâu đặc thù phù hợp với ngành đào tạo tiến sĩ: học bổ túc kiến thức 13 học phần, 39 tín chỉ

I. NGÀNH CHÍNH TRỊ HỌC

Ưng viên bằng tốt nghiệp thạc sĩ ngành

Ưng viên có bằng thạc sĩ một trong các ngành sau:

Ưng viên có bằng tốt nghiệp đại học hạng Giỏi trở lên của các ngành sau:

Ưng viên có bằng thạc sĩ (tiên sĩ) ngành khác, không thuộc mục (1), (2) và có chức vụ lãnh đạo, quản lý trong hệ thống chính trị.

1. Chính trị học
2. Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước
3. Hồ Chí Minh học
4. Quan hệ quốc tế

1. Triết học
2. CNXH khoa học
3. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
4. Kinh tế chính trị
5. Khoa học quản lý
6. Chính sách công
7. Quản lý công
8. Quản trị nhân lực
9. Lý luận dạy học bộ môn
10. Luật

1. Chính trị học
2. Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước
3. Quản lý nhà nước.
4. Quan hệ quốc tế



Ngành đào tạo chuyên sâu đặc thù phù hợp			
(1)	(2)	(3)	(4)
Nhóm ngành 1: Không phải học bổ sung kiến thức	Nhóm ngành 2: học bổ sung kiến thức 5 học phần, 15 tín chỉ	Nhóm ngành 3: học bổ sung kiến thức 13 học phần, 39 tín chỉ	Ứng viên tốt nghiệp trình độ tương đương bậc 7 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam ở một số ngành đào tạo chuyên sâu đặc thù phù hợp với ngành đào tạo tiến sĩ: học bổ túc kiến thức 13 học phần, 39 tín chỉ
<b>II. NGÀNH QUẢN LÝ GIÁO DỤC</b>			
Ứng viên có bằng tốt nghiệp thạc sĩ ngành Quản lý giáo dục; Mã ngành: 8140114	Ứng viên có bằng thạc sĩ một trong các ngành sau: 1. Lý luận và lịch sử giáo dục; mã ngành: 8140102 2. Giáo dục học; mã ngành: 8140101 3. Lý luận và PPDH bộ môn; mã ngành: 8140110	Ứng viên có bằng tốt nghiệp đại học hạng Giỏi trở lên ngành Quản lý giáo dục, các ngành ĐH sư phạm hạng Giỏi trở lên hoặc có hoặc có bằng thạc sĩ (tiên sĩ) ngành khác, không thuộc mục (1) và (2) và có chức vụ lãnh đạo, quản lý, đang trực tiếp quản lý lĩnh vực giáo dục	Ứng viên có trình độ tương đương bậc 7 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam ở một số ngành khác, không thuộc mục (1), (2), (3) và có chức vụ lãnh đạo, quản lý, đang trực tiếp quản lý lĩnh vực giáo dục.
<b>III. NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ</b>			
Ứng viên có bằng tốt nghiệp thạc sĩ ngành: 1. Kinh tế học 2. Kinh tế chính trị 3. Kinh tế đầu tư 4. Kinh tế phát triển 5. Kinh tế quốc tế/kinh tế đối ngoại 6. Thống kê kinh tế	Ứng viên có bằng thạc sĩ một trong các ngành sau: 1. Nhóm ngành Quản trị - Quản lý: Khoa học quản lý Quản lý công; Quản trị nhân lực; Hệ thống thông tin quản lý; Quản trị văn phòng; Quan hệ lao động; Quản lý dự án	Ứng viên có bằng tốt nghiệp đại học hạng Giỏi trở lên ngành: 1. Nhóm ngành Kinh tế học: Kinh tế; Kinh tế chính trị; Kinh tế đầu tư; Kinh tế phát triển; Kinh tế quốc tế; Thống kê kinh tế; Toán kinh tế;	Ứng viên có trình độ tương đương bậc 7 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam ở một số ngành khác, không thuộc mục (1), (2), (3): 1. Chính trị học 2. Quan hệ quốc tế 3. Phát triển bền vững 4. Luật kinh tế 5. Khoa học dữ liệu



**Ngành phù hợp**

(1)	(2)	(3)	(4)
<p><b>Nhóm ngành 1: Không phải học bổ sung kiến thức</b></p>	<p><b>Nhóm ngành 2: học bổ sung kiến thức 5 học phần, 15 tín chỉ</b></p>	<p><b>Nhóm ngành 3: học bổ sung kiến thức 13 học phần, 39 tín chỉ</b></p>	<p><b>Ngành đào tạo chuyên sâu đặc thù phù hợp</b></p> <p align="center">(4)</p> <p><b>Ứng viên tốt nghiệp trình độ tương đương bậc 7 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam ở một số ngành đào tạo chuyên sâu đặc thù phù hợp với ngành đào tạo tiến sĩ: học bổ túc kiến thức 13 học phần, 39 tín chỉ</b></p>
<p>7. Toán kinh tế</p>	<p>2. Nhóm ngành Kinh doanh: Quản trị kinh doanh; Marketing; Bất động sản; Kinh doanh quốc tế; Kinh doanh thương mại; Thương mại điện tử; Kinh doanh thời trang và dệt may</p> <p>3. Nhóm ngành Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm: Tài chính - Ngân hàng; Bảo hiểm</p> <p>4. Các ngành thuộc nhóm Kế toán - Kiểm toán gồm: Kế toán; Kiểm toán</p>	<p>Kinh tế số</p> <p>2. Nhóm ngành Kinh doanh: Quản trị kinh doanh; Marketing; Bất động sản; Kinh doanh quốc tế; Kinh doanh thương mại; Thương mại điện tử; Kinh doanh thời trang và dệt may</p> <p>3. Nhóm ngành Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm: Tài chính - Ngân hàng; Bảo hiểm; Công nghệ tài chính</p> <p>4. Nhóm ngành Quản trị - Quản lý: Khoa học quản lý; Quản lý công; Quản trị nhân lực; Hệ thống thông tin quản lý; Quản trị văn phòng; Quan hệ lao động; Quản lý dự án</p> <p>5. Các ngành: Luật kinh</p>	<p>6. Quản lý công nghiệp</p> <p>7. Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng</p> <p>8. Kinh tế xây dựng</p> <p>9. Kinh tế nông nghiệp</p> <p>10. Phát triển nông thôn</p> <p>11. Quản lý đất đai</p> <p>12. Quản lý tài nguyên môi trường</p>

2



Ngành phù hợp			Ngành đào tạo chuyên sâu đặc thù phù hợp
(1)	(2)	(3)	(4)
Nhóm ngành 1: Không phải học bổ sung kiến thức	Nhóm ngành 2: học bổ sung kiến thức 5 học phần, 15 tín chỉ	Nhóm ngành 3: học bổ sung kiến thức 13 học phần, 39 tín chỉ	Ứng viên tốt nghiệp trình độ tương đương bậc 7 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam ở một số ngành đào tạo chuyên sâu đặc thù phù hợp với ngành đào tạo tiến sĩ: học bổ túc kiến thức 13 học phần, 39 tín chỉ
		tế; Kinh tế nông nghiệp; Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng; Kinh tế gia đình; Kinh tế vận tải; Kinh tế tài nguyên thiên nhiên; Kinh tế nông nghiệp; Kinh tế xây dựng	

Danh mục gồm có 3 ngành đào tạo Tiến sĩ. A